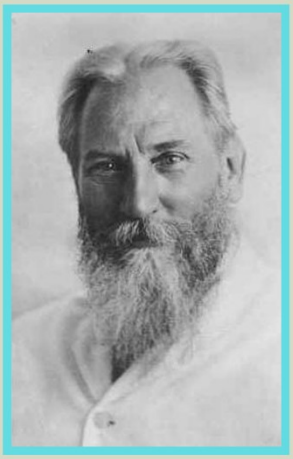
C.W. Leadbeater



GHI CHÚ VỀ MỘT VÀI VỊ THÁNH KI TÔ GIÁO

Notes Upon Some Christian Saints

minhtrietmoi.org

NOTES UPON SOME CHRISTIAN SAINTS

By THE RIGHT REV. C. W. LEADBEATER

S. Alban

S. ALBAN is the patron Saint of many Christian churches. He was very closely associated with our country of England, with the Church and with Freemasonry, and played an important part in all of them- He was a man of noble Roman family, born at the town of Verulam, in England, which is now after him called St. Albans. Verulam was at that time the capital of Roman England, though it is now but a small place.

S. ALBAN là thánh bảo hộ của nhiều nhà thờ Cơ đốc giáo. Ngài có mối liên hệ rất mật thiết với nước Anh, với Giáo hội và với Hội Tam Điểm, và đã đóng một vai trò quan trọng trong cả ba lĩnh vực này. Ngài thuộc một gia đình quý tộc La Mã, sinh ra ở thị trấn Verulam, tại Anh, nơi mà ngày nay được đặt tên là St. Albans theo tên của Ngài. Verulam vào thời đó là thủ đô của La Mã tại Anh, mặc dù hiện tại chỉ là một nơi nhỏ bé.

Not many details are known of his life. The most prominent force in it was a life-long friend of his, called Amphibalus, a monk of Carleon, in Wales, though, I think, a Frenchman by birth. Those two were unusually close friends, and Amphibalus undoubtedly exercised a great influence over Alban, or Albanus as his name was in Latin. They went together to Rome as young men. Alban was not then a Christian: he followed the ordinary religion of the time, but Amphibalus was a monk, and it was undoubtedly due to Alban's association with Amphibalus that he later became a Christian. Alban joined the Roman army, and achieved considerable distinction in it. He served in Rome for some seven years at any rate, perhaps longer than that. It was in Rome that he learnt his Freemasonry, and also became proficient in the Mithraic Mysteries which were closely associated with it in those days.

Không có nhiều chi tiết được biết về cuộc đời của Ngài. Nhân vật nổi bật nhất trong cuộc đời của Ngài là một người bạn thân suốt đời tên là Amphibalus, một tu sĩ của Carleon, ở xứ Wales, dù tôi nghĩ rằng ông là người Pháp theo nguồn gốc. Hai người là những người bạn rất thân thiết, và Amphibalus chắc chắn đã có ảnh hưởng lớn đến Alban, hay Albanus như tên của Ngài trong tiếng La-tinh. Họ cùng nhau đến Rome khi còn trẻ. Khi đó, Alban chưa phải là một Cơ đốc nhân: Ngài theo tôn giáo thông thường của thời đại, nhưng Amphibalus là một tu sĩ, và chắc chắn là do sự kết giao với Amphibalus mà sau này Alban trở thành một Cơ đốc nhân. Alban đã gia nhập quân đội La Mã và đạt được nhiều thành tích đáng kể. Ngài phục vụ ở Rome ít nhất bảy năm, có thể lâu hơn. Chính tại Rome, Ngài đã học được Hội Tam Điểm và cũng trở nên thành thạo trong các Bí ẩn của Mithra, những điều vào thời đó gắn liền với Hội Tam Điểm.

After this time in Rome, he returned to his birthplace in England, and was appointed governor of the fortress there. He also held the position of " the master of the works," whatever that may have involved: he

Sau thời gian ở Rome, Ngài trở về quê hương ở Anh và được bổ nhiệm làm thống đốc của pháo đài ở đó. Ngài cũng giữ chức vụ "người phụ trách các công trình", dù chức vụ đó có thể bao hàm điều gì: chắc chắn là Ngài đã giám sát các

certainly superintended the repairs and the general work in the fortress at Verulam, and he was at the same time the Imperial Paymaster. The story goes that the workmen were treated as slaves and wretchedly paid, but that Alban introduced Freemasonry and changed all that, securing for them better wages and greatly improved conditions generally. Freemasons will have heard of the Watson manuscript of 1687. In that, a good deal is said about S. Alban's work for the Craft, and it is especially mentioned that he brought from France certain ancient charges which are practically identical with those in use at the present time.

He became a Christian undoubtedly through the influence, and perhaps following the example, of Amphibalus, and he was martyred in the great persecution of the Emperor Diocletian, which began in the year 303, because he sheltered Amphibalus and refused to give him up. I have myself visited the place of that martyrdom—a rounded hill outside the town of S. Albans. The story of the Roman Church is that a spring arose magically to slake the thirst of the martyr. The spring is certainly there, but I cannot guarantee its origin. Offa, King of Mercia, built a great abbey in the year 795 over the shrine which was erected for S. Alban. His disciples embalmed his body, and it may still be seen in the abbey; the head is visible through a broken part of the shrine.

Soon after that, he had another important incarnation: he was born in Constantinople in the year 411, and received the name of Proclus —the name which, in after life, he was destined to make famous. He was one of the last great exponents of Neo-platonism—of that great philosophy of which we hear so much at the time of Christ, and a little later. His influence overshadowed to a great extent the mediaeval Christian Church.

công việc sửa chữa và hoạt động chung trong pháo đài tại Verulam, và đồng thời Ngài cũng là người quản lý chi trả của đế chế. Câu chuyện kể rằng những người thợ đã bị đối xử như nô lệ và được trả lương vô cùng thấp, nhưng Alban đã đưa Hội Tam Điểm vào và thay đổi tất cả, đảm bảo cho họ mức lương tốt hơn và cải thiện điều kiện chung đáng kể. Những người theo Hội Tam Điểm sẽ đã nghe về bản thảo Watson năm 1687. Trong đó, rất nhiều điều được nói về công việc của S. Alban dành cho Hội Tam Điểm, và đặc biệt được đề cập rằng Ngài đã mang về từ Pháp một số điều lệ cổ xưa hầu như giống hệt với những điều lệ được sử dụng ngày nay.

Ngài chắc chắn đã trở thành một Cơ đốc nhân dưới ảnh hưởng và có lẽ theo gương của Amphibalus, và Ngài đã tử đạo trong cuộc đàn áp lớn của Hoàng đế Diocletian vào năm 303 vì Ngài đã che chở cho Amphibalus và từ chối giao nộp ông ta. Chính bản thân tôi đã đến thăm nơi Ngài bị tử đạo—một ngọn đồi tròn bên ngoài thị trấn St. Albans. Câu chuyện của Giáo hội La Mã kể rằng một dòng suối đã xuất hiện một cách kỳ diệu để làm dịu cơn khát của vị tử đạo. Dòng suối chắc chắn có ở đó, nhưng tôi không thể đảm bảo về nguồn gốc của nó. Offa, Vua của Mercia, đã xây dựng một tu viện lớn vào năm 795 trên đền thờ được dựng lên cho S. Alban. Các môn đồ của Ngài đã ướp xác của Ngài, và thi thể Ngài có thể vẫn được nhìn thấy trong tu viện; phần đầu của Ngài có thể nhìn thấy qua một phần bị vỡ của đền thờ.

Ngay sau đó, Ngài đã có một lần tái sinh quan trọng khác: Ngài sinh ra tại Constantinople vào năm 411 và được đặt tên là Proclus—cái tên mà sau này Ngài đã làm cho nổi tiếng. Ngài là một trong những nhà diễn thuyết lớn cuối cùng của trường phái Tân Plato—một triết lý vĩ đại mà chúng ta nghe nhiều vào thời Chúa Kitô và một thời gian ngắn sau đó. Ảnh hưởng của Ngài đã làm lu mờ đáng kể Giáo hội Cơ đốc giáo thời trung cổ.

After that, there is a gap, as to which at present we know nothing. We find him reborn in the year 1211, and in that life he was Roger Bacon, a Franciscan friar, who was a reformer both of the theology and science of his day. He was a great experimentalist, and he invented gunpowder, but for that I do not know whether we should be grateful to him or not. In the process of his invention he seriously injured himself, which gives us a glimpse of the kind of man he was —a daring experimentalist and scientist, as exact as at that period a man could be.

Sau đó, có một khoảng trống mà hiện tại chúng ta chưa biết gì. Chúng ta thấy Ngài tái sinh vào năm 1211, và trong cuộc đời đó, Ngài là Roger Bacon, một tu sĩ Phanxicô, một nhà cải cách cả về thần học và khoa học của thời đại. Ngài là một nhà thực nghiệm vĩ đại và đã phát minh ra thuốc súng, nhưng về điều này, tôi không biết liệu chúng ta nên biết ơn Ngài hay không. Trong quá trình phát minh, Ngài đã tự gây thương tích nghiêm trọng, điều này cho chúng ta thấy một chút về kiểu người mà Ngài là—một nhà khoa học và thực nghiệm táo bạo, chính xác đến mức mà một người thời đó có thể đạt được.

In 1375 came his birth as Christian Rosenkreutz. That was also a birth of considerable importance, for in it he founded the secret society of the Rosicrucians—a society which has not really died out, although it is supposed to have done so. Various organisations claim its name and some of its teachings; the original society still remains, but it is absolutely secret. Meantime we have the knowledge of the Rosicrucians, but in a somewhat different form, in Theosophy, and also in Freemasonry, though in the latter it is veiled in allegory.

Năm 1375, Ngài được sinh ra với tên Christian Rosenkreutz. Đó cũng là một cuộc đời quan trọng, vì trong đó Ngài đã sáng lập hội kín của Rosicrucian—một hội kín thực ra chưa bao giờ biến mất, mặc dù người ta cho rằng nó đã tuyệt chủng. Các tổ chức khác nhau tuyên bố mang tên của nó và một số giáo lý của nó; hội kín ban đầu vẫn còn tồn tại, nhưng hoàn toàn bí mật. Trong khi đó, chúng ta có kiến thức về Rosicrucian, nhưng dưới một hình thức khác, trong Thông Thiên Học và cũng trong Hội Tam Điểm, mặc dù trong hội sau, nó được che đậy trong ngụ ngôn.

Our President has told us that he again took birth some fifty years later, or a little more than that, as John Hunyadi, an eminent Hungarian soldier and leader. I have not seen anything myself of that life, but we are told that about 1500 he had a life as the monk Robertus, somewhere in middle Europe. We know practically nothing about that, as to what he did or in what way he distinguished himself.

Chủ tịch của chúng ta đã nói với chúng ta rằng Ngài lại tái sinh khoảng năm mươi năm sau, hoặc một chút lâu hơn, với tên John Hunyadi, một người lính và lãnh đạo nổi tiếng của Hungary. Tôi chưa từng thấy gì về cuộc đời đó, nhưng chúng ta được biết rằng khoảng năm 1500, Ngài đã có một cuộc đời làm tu sĩ Robertus, ở đâu đó tại Trung Âu. Chúng ta hầu như không biết gì về điều đó, về việc Ngài đã làm gì hoặc đã nổi bật bằng cách nào.

After that comes one of the greatest of his births, for in the year 1561 he was born as Francis Bacon. Of Francis Bacon in history we hear little that is true and a great deal that is false. The facts of the case are gradually becoming known, largely by means of a cipher

Tiếp theo là một trong những cuộc đời vĩ đại nhất của Ngài, vì vào năm 1561, Ngài sinh ra với tên Francis Bacon. Về Francis Bacon trong lịch sử, chúng ta nghe rất ít sự thật và rất nhiều điều sai lệch. Những sự thật của câu chuyện đang dần được biết đến, chủ yếu thông

story which he wrote secretly in the works which he published. It appears from that that he was the son of no less a person than Queen Elizabeth, who married Sir Robert Dudley, afterward the Earl of Leicester, when they were both prisoners in the Tower. Such a marriage as that was not legal, but at a later time it was legalised, so there is no doubt that he was " Francis the King," as he speaks of himself in the cipher, and that he should have been King of England instead of James I. There were various reasons why he bound himself by a pledge to his mother not to let the fact of his birth be known. The whole story is written in his cipher, and a considerable literature on the subject has been published by the Baconian Society, which takes up the study of his life, and shows that he was the real author of the plays which he chose to attribute to Shakespeare. There is a good book on the subject, entitled *The Eldest Son of Queen Elizabeth*, published in Sydney, written by a Mrs. Nicholls, in which we find all the arguments and all the proofs adduced.

qua một câu chuyện mã hóa mà Ngài đã viết bí mật trong các tác phẩm Ngài xuất bản. Theo đó, Ngài là con trai của không ai khác ngoài Nữ hoàng Elizabeth, người đã kết hôn với Ngài Robert Dudley, sau này là Bá tước Leicester, khi cả hai đều bị giam trong Tháp. Một cuộc hôn nhân như vậy không hợp pháp, nhưng sau này nó đã được hợp pháp hóa, vì vậy không nghi ngờ gì nữa Ngài là "Francis Nhà Vua", như Ngài tự gọi trong mã hóa, và lẽ ra Ngài phải là Vua của Anh thay vì James I. Có nhiều lý do khiến Ngài cam kết với mẹ mình không để lộ sự thật về sự ra đời của Ngài. Toàn bộ câu chuyện được viết trong mã hóa của Ngài, và một lượng lớn văn học về chủ đề này đã được xuất bản bởi Hội Baconian, tổ chức chuyên nghiên cứu cuộc đời của Ngài và cho thấy rằng Ngài là tác giả thực sự của những vở kịch mà Ngài đã chọn để gán cho Shakespeare. Có một cuốn sách hay về chủ đề này, có tựa đề The Eldest Son of Queen Elizabeth, xuất bản tại Sydney, được viết bởi bà Nicholls, trong đó chúng ta thấy tất cả các lập luận và chứng cứ được đưa ra.

In his youth he went to Paris, and he got into connection there with a certain body of literary men, who, because they were seven, called themselves the Pleiades. These men, who were deep students of philology, had practically recreated the French language. They found it a chaotic mixture of barbarous jargons; they put it together and made it into a noble language. Bacon was at once impressed with the great necessity of doing the same thing for English, and when he returned to England after some years in Paris, he set to work to reconstitute the English language. He shows us what it was before his time, and out of the various dialects then spoken he constructed English as we know it to-day. That he did largely by writing the plays attributed to Shakespeare, and also (perhaps chiefly) by editing the Authorised Version of the Bible, which was then being translated by

Trong thời niên thiếu, Ngài đã đến Paris, và tại đó, Ngài đã kết nối với một nhóm văn nhân, vì họ là bảy người, nên họ tự gọi mình là Pleiades. Những người này, những học giả ngôn ngữ học sâu sắc, đã gần như tái tạo lại ngôn ngữ Pháp. Họ đã thấy nó là một hỗn hợp hỗn loạn của những tiếng lóng man rợ; họ đã cấu trúc lại và biến nó thành một ngôn ngữ cao quý. Bacon ngay lập tức ấn tượng với nhu cầu cần thiết của việc làm điều tương tự cho tiếng Anh, và khi trở về Anh sau vài năm ở Paris, Ngài đã bắt tay vào tái cấu trúc tiếng Anh. Ngài cho chúng ta thấy tiếng Anh như thế nào trước thời Ngài, và từ các phương ngữ khác nhau thời đó, Ngài đã xây dựng nên tiếng Anh mà chúng ta biết ngày nay. Ngài đã làm điều đó chủ yếu bằng cách viết những vở kịch được gán cho Shakespeare, và cũng (có lẽ chủ yếu) bằng cách biên tập Phiên bản được Công Nhận của Kinh Thánh, khi đó đang được dịch bởi

a committee of forty-eight under the direction of King James I. Bacon, being Chancellor, kept himself in the background, but he superintended and edited the whole volume, so that absolutely the same style and the same type of language runs all through it, although the original is' written by a large number of different authors in Hebrew and Greek, and although there were forty-eight nominal translators. We may note the difference if we compare King James's translation with the Revised Version, which is also the result of the work of a committee of people; in the latter we can clearly see the differences of style in the various parts. There must have been close supervision over the Authorised Version, and the supervisor was Bacon. He wrote many other books also; altogether a vast amount of literature was put forth by him.

một ủy ban gồm bốn mươi tám người dưới sự chỉ đạo của Vua James I. Bacon, với tư cách là Đại pháp quan, đã giữ mình trong bóng tối, nhưng Ngài đã giám sát và biên tập toàn bộ tác phẩm, để tất cả các phần đều mang phong cách và ngôn ngữ giống nhau, mặc dù bản gốc được viết bởi nhiều tác giả khác nhau bằng tiếng Hebrew và Hy Lạp, và mặc dù có bốn mươi tám dịch giả danh nghĩa. Chúng ta có thể nhận thấy sự khác biệt nếu so sánh bản dịch của Vua James với Phiên bản Sửa đổi, cũng là kết quả của công việc của một ủy ban, trong đó chúng ta có thể thấy rõ sự khác biệt về phong cách trong các phần khác nhau. Phải có sự giám sát chặt chẽ đối với Phiên bản Ủy quyền, và người giám sát đó là Bacon. Ngài cũng viết nhiều cuốn sách khác; tổng cộng, một lượng lớn văn học đã được Ngài đưa ra.

A century later, we are told that he took birth as Ivan Rakoczy, a prince of Transylvania. We find him mentioned in the encyclopaedias, but not much information is given. He still uses that name sometimes; I have myself seen and photographed one of his signatures. After that, considerable mystery surrounds his movements. He seems to have travelled about Europe, and he turns up at intervals, but we have little definite information about him. He was the Comte de St. Germain at the time of the French Revolution. He also appears to have disguised himself as Baron Hompesch, who was the last of the Knights of St. John of Malta, the man who arranged the transfer of the Island of Malta to the English. This saint and teacher still lives, and His present body has no appearance of great age. I myself met Him physically in Rome in 1901, and had a long conversation with Him.

Một thế kỷ sau, chúng ta được biết rằng Ngài tái sinh với tên Ivan Rakoczy, một hoàng tử của Transylvania. Ngài được nhắc đến trong các bách khoa toàn thư, nhưng không có nhiều thông tin được cung cấp. Đôi khi Ngài vẫn sử dụng tên này; chính bản thân tôi đã nhìn thấy và chụp ảnh một trong những chữ ký của Ngài. Sau đó, nhiều bí ẩn bao trùm các hoạt động của Ngài. Ngài dường như đã đi khắp châu Âu và xuất hiện định kỳ, nhưng chúng ta có ít thông tin chắc chắn về Ngài. Ngài là Bá tước de St. Germain vào thời kỳ Cách mạng Pháp. Ngài cũng có vẻ đã ngụy trang thành Nam tước Hompesch, người cuối cùng của các Hiệp sĩ Thánh Gioan của Malta, người đã sắp xếp việc chuyển giao Đảo Malta cho người Anh. Vị thánh và vị thầy này vẫn còn sống, và cơ thể hiện tại của Ngài không có dấu hiệu tuổi già. Chính bản thân tôi đã gặp Ngài trực tiếp tại Rome vào năm 1901 và đã có một cuộc trò chuyện dài với Ngài.

He is the Prince Adept at the head of the Seventh Ray, which is now beginning to rule the world in the place of the Sixth Ray, whose

Ngài là Chân sư tại vị trí đứng đầu Cung Bảy, cung đang bắt đầu chi phối thế giới thay cho Cung Sáu, cung đặc trưng bởi sự sùng đạo—đôi

characteristic was devotion—degenerating into rather blind and unintelligent manifestations sometimes in the Middle Ages. Naturally He is deeply interested both in the work of the Church and in Freemasonry—cults which are in reality two expressions of the same eternal truth, though they are popularly supposed to be diametrically opposed. We have much for which to thank Him now in this present day, as well as for those earlier achievements of His—the magnificent gift of the English language, the introduction of Freemasonry into England, and the moulding of Christian mediaeval metaphysical and philosophical thought.

khi suy thoái thành những biểu hiện mù quáng và thiếu hiểu biết trong thời Trung cổ. Tự nhiên, Ngài rất quan tâm đến công việc của cả Giáo hội và Hội Tam Điểm—hai tổ chức thực ra là hai biểu hiện của cùng một chân lý vĩnh cửu, mặc dù người ta thường cho rằng chúng đối lập hoàn toàn. Chúng ta có rất nhiều điều để cảm ơn Ngài trong ngày nay, cũng như những thành tựu trước đó của Ngài—món quà tuyệt vời của ngôn ngữ tiếng Anh, việc giới thiệu Hội Tam Điểm vào Anh, và việc định hình tư tưởng siêu hình và triết học của Cơ đốc giáo thời trung cổ.

S. GEORGE

S. George is the patron saint of England. There is considerable doubt as to his history. He is usually spoken of as of Cappadocia, yet it seems he was born in Lydda in Palestine. That is where his family lived: that is where he was buried and where his shrine is shown today. That shrine was certainly accepted as his tomb in Crusading days, because we read again and again of Crusaders as making a pilgrimage to that shrine. He was born of a noble Christian family, and he entered the Roman army and served with distinction under the Emperor Diocletian.

Thánh George là thánh bảo hộ của nước Anh. Có nhiều nghi vấn xung quanh lịch sử của Ngài. Thường thì người ta nói rằng Ngài xuất thân từ Cappadocia, nhưng dường như Ngài được sinh ra tại Lydda, ở Palestine. Đó là nơi gia đình Ngài sinh sống, nơi Ngài được chôn cất, và ngày nay, đền thờ của Ngài vẫn còn được trưng bày ở đó. Đền thờ này chắc chắn đã được chấp nhận là nơi an táng của Ngài vào thời Thập tự chinh, bởi vì chúng ta đã nhiều lần đọc thấy các cuộc hành hương của các Thập tự quân đến thăm đền thờ này. Ngài sinh ra trong một gia đình Cơ đốc giáo quý tộc và gia nhập quân đội La Mã, phục vụ xuất sắc dưới thời Hoàng đế Diocletian.

The Emperor Diocletian is said at one time to have persecuted the Christians. The stories of the so-called Christian persecutions have been so enormously exaggerated and misrepresented that clairvoyant investigators have learnt to regard them with a good deal of incredulity. So far as our investigations have gone, we have found again and again that Christians suffered not because of their

Người ta nói rằng Hoàng đế Diocletian đã từng bách hại các tín đồ Cơ đốc giáo. Những câu chuyện về cái gọi là các cuộc bách hại Cơ đốc giáo đã bị phóng đại và hiểu sai rất nhiều, đến mức những nhà điều tra có khả năng thông nhãn đã học cách coi những câu chuyện đó với một sự hoài nghi nhất định. Theo như các cuộc điều tra của chúng tôi cho thấy, chúng tôi phát hiện nhiều lần rằng những người Cơ đốc giáo

religion but rather because of the political opinions which many of them held, much in the same way as Jews have been indiscriminately persecuted in Russia. In fact the early Christians seem to have been regarded as the anarchists, the Bolsheviks of that period, and when they came into conflict with the Government it was not on account of their Faith, for the Romans were a most tolerant people, believing little themselves, and caring still less what others believed.

chịu đau khổ không phải vì tôn giáo của họ, mà chủ yếu là vì các quan điểm chính trị mà nhiều người trong số họ nắm giữ, tương tự như cách mà người Do Thái bị bách hại bừa bãi ở Nga. Thực tế, những người Cơ đốc giáo ban đầu dường như bị coi như những người vô chính phủ, những người Bolshevik của thời đó, và khi họ đối đầu với chính quyền, không phải là vì Đức Tin của họ, bởi vì người La Mã là những người rất khoan dung, ít tin vào điều gì và cũng ít quan tâm đến việc người khác tin vào điều gì.

It was usually on account of their refusal to show the ordinary respect to the Emperor. There were certain little ceremonies which were at that time considered as part of the ordinary amenities of daily life—little acts of courtesy showing friendly remembrance of the Emperor and loyalty to him, corresponding exactly to drinking the health of the King at the head of every list of toasts, and rising when the National Anthem is sung at the end of every entertainment. It was the custom then that whenever a man was about to drink a cup of wine, he should first pour out a few drops upon the floor as a libation to the gods in honour of the Emperor. The idea behind the action was that a tiny offering of kindly thought was made to the Deity on behalf of the Emperor—a good wish that he might be strengthened and helped in the onerous work that was laid upon him. With exactly the same object it was also the custom each morning and each evening to throw a pinch of incense on to the fire which was ever burning on the domestic altar, accompanying it with a word of aspiration for the Emperor's health and prosperity.

Thông thường, lý do là do họ từ chối thể hiện sự tôn trọng thông thường đối với Hoàng đế. Có một số nghi thức nhỏ vào thời đó được coi là một phần của những phép lịch sự hàng ngày —những hành động nhỏ thể hiện sự tôn trọng đối với Hoàng đế và lòng trung thành với Ngài, tương tự như việc nâng ly chúc mừng Vua ở đầu mỗi danh sách chúc tụng, và đứng dậy khi Quốc ca được hát vào cuối mỗi buổi tiệc. Vào thời đó, theo phong tục, bất cứ khi nào một người uống một cốc rượu, người đó phải rót vài giọt lên sàn nhà như một lễ dâng tế các vị thần để tôn vinh Hoàng đế. Ý tưởng đằng sau hành động đó là một lời cầu nguyện nhỏ gửi đến các vị thần thay mặt cho Hoàng đế—một lời chúc rằng Ngài có thể được củng cố và giúp đỡ trong công việc nặng nề mà Ngài đang gánh vác. Cũng với mục đích tương tự, theo phong tục, mỗi buổi sáng và mỗi buổi tối, người ta ném một nhúm hương vào ngọn lửa luôn cháy trên bàn thờ trong nhà, kèm theo một lời cầu nguyện cho sức khỏe và sự thịnh vượng của Hoàng đế.

These little observances seem harmless enough: but the early Christian was often rather a cantankerous and Pharisaical person, and it appears to have been one of his unpleasing habits to refuse these trifling

Những nghi thức nhỏ này dường như vô hại, nhưng các tín đồ Cơ đốc giáo ban đầu thường là những người hay gây tranh cãi và cố chấp, và có vẻ như một trong những thói quen khó chịu của họ là từ chối những hành động lịch sự

courtesies on the plea that they were idolatrous and ascribed divine honours to the Emperor. These customs had come down through thousands of years. They had been observed in Chaldaea, in Babylonia, in Assyria, and many other countries, and no one had thought them harmful. If the early Christians felt these things to be wrong, if it was against their conscience to throw that pinch of incense into the fire, then they were right to die for it: but it seems to me rather an unnecessary thing for which to die. It is a matter of conscience, and no man can decide for another. So far as I can see, if I had been living on earth in those days, I should have been quite willing to show the same courtesy to Caesar that millions of other people have shown to their respective sovereigns all through the ages, without the least thought of infringing upon the honour of any sensible deity. But these early Christians would not do it.

nhỏ bé này với lý do rằng chúng là thờ thần tượng và trao cho Hoàng đế vinh dự thiêng liêng. Những phong tục này đã được duy trì qua hàng ngàn năm. Chúng đã được quan sát ở Chaldea, Babylon, Assyria, và nhiều quốc gia khác, và không ai cho rằng chúng có hại. Nếu những tín đồ Cơ đốc giáo ban đầu cảm thấy những điều này là sai, nếu đó là điều đi ngược lại lương tâm của họ khi ném nhúm hương vào ngọn lửa, thì họ đã đúng khi chết vì điều đó. Nhưng đối với tôi, đó dường như là một điều không cần thiết để hy sinh. Đó là vấn đề lương tâm, và không ai có thể quyết định thay cho người khác. Theo quan điểm của tôi, nếu tôi sống vào thời đó, tôi sẽ sẵn sàng thể hiện sự lịch sự tương tự đối với Caesar mà hàng triệu người khác đã thể hiện đối với các vị vua của họ qua các thời đại, mà không hề có ý định vi phạm danh dự của bất kỳ vị thần thông minh nào. Nhưng những tín đồ Cơ đốc giáo ban đầu không làm điều đó.

Naturally people who thought it their duty to make themselves objectionable in that particular way were quite likely to be roughly handled and suspected of disloyalty, much as a man who refused to drink the health of the King or to stand when the National Anthem was being played would probably be suspected among ourselves. One can understand that a man who is a rigid teetotaler, might even go so far as to decline to drink the health of the King. I can even to a certain extent respect the consistency of such a man, though I do not in the least agree with him, and should consider him lacking in discrimination and sense of proportion. I myself, though a life-long total abstainer, should certainly not refuse, though I should prefer to drink the health in water if it were obtainable. But if not, I would take the necessary sip of alcohol (it need be no more than that), because it seems to me a far less evil to take that microscopic trace of alcohol

Dĩ nhiên, những người cảm thấy rằng đó là nhiệm vụ của họ để làm phiền người khác theo cách này sẽ có khả năng bị đối xử thô bạo và bị nghi ngờ về lòng trung thành, cũng giống như một người từ chối nâng ly chúc mừng Vua hoặc đứng lên khi Quốc ca được chơi có thể bị nghi ngờ trong xã hội của chúng ta. Người ta có thể hiểu rằng một người hoàn toàn không uống rượu có thể đi xa đến mức từ chối chúc mừng sức khỏe của Vua. Tôi thậm chí có thể phần nào tôn trọng sự kiên định của người đó, mặc dù tôi hoàn toàn không đồng ý với anh ta, và tôi sẽ coi anh ta thiếu sự phân biệt và cảm giác cân đối. Bản thân tôi, mặc dù đã kiêng rượu cả đời, chắc chắn sẽ không từ chối, dù tôi muốn uống nước nếu có thể. Nhưng nếu không có nước, tôi sẽ uống một ngụm nhỏ rượu (chỉ cần như thế), vì đối với tôi, việc uống một lượng rượu vi mô vào cơ thể (một hành động mà không ai khác bị ảnh hưởng ngoài bản thân tôi) là một điều ác ít hơn nhiều so với việc kích động sự phẫn nộ trong tâm trí của

into my system (an action from which no one suffers but myself) than to arouse in the minds of the people around me the indignation which they might quite justifiably feel if they had reason to suspect me of disloyalty. It would be a case of “avoiding the very appearance of evil I think the ancient martyrs often immolated themselves unnecessarily for matters as small as that. Probably something of that sort was the reason of the feeling against the Christians as a rule, for the Romans were great sticklers for law, order and custom, and expected every one to conform to what was thought best for the community as a whole.

những người xung quanh tôi, những người có thể cảm thấy rằng tôi không trung thành. Đó sẽ là một trường hợp "tránh vẻ ngoài của điều ác". Tôi nghĩ rằng những người tử đạo cổ xưa thường tự hy sinh một cách không cần thiết vì những chuyện nhỏ nhặt như thế. Có lẽ điều gì đó tương tự đã gây ra cảm giác chống lại những người Cơ đốc giáo, bởi vì người La Mã là những người rất tuân thủ luật pháp, trật tự và phong tục, và họ mong đợi mọi người tuân theo những gì được coi là tốt nhất cho cộng đồng nói chung.

We have also to remember that many of these early Christians in their misguided enthusiasm ivished to be martyred, and were prepared to go to any lengths to gratify their desire. If we read the life of S. Francis of Assisi, we shall find that a number of people connected with him (although I do not think he was responsible for their foolishness) resolved to get themselves martyred at any cost. They went to Morocco, and ran after the carriage of the Emir in the open streets, shouting insults at him as a heathen. The Emir very naturally supposed them to be insane, and was at first good-humouredly tolerant of their rudeness, but as they persisted and became more and more abusive, he eventually imprisoned and executed them. They considered themselves great and glorious martyrs: looking back upon the incident with impartial eyes, we can regard them only as ill-mannered fanatics who intruded where they were not wanted, and were quite justifiably suppressed. Myself, I have not the slightest sym-pathy for that kind of martyr.

Chúng ta cũng cần nhớ rằng nhiều Cơ đốc nhân thời kỳ đầu với lòng nhiệt thành sai lầm đã mong muốn trở thành người tử đạo và sẵn sàng làm mọi thứ để thỏa mãn mong muốn đó. Nếu chúng ta đọc về cuộc đời của Thánh Phanxicô thành Assisi, chúng ta sẽ thấy rằng một số người liên quan đến Ngài (mặc dù tôi không nghĩ rằng Ngài chịu trách nhiệm về sự dại dột của họ) đã quyết tâm trở thành người tử đạo bằng bất cứ giá nào. Họ đã đến Ma-rốc và chạy theo cỗ xe của Emir trên đường phố công cộng, la hét xúc phạm ông ta như một kẻ ngoại đạo. Emir rất tự nhiên cho rằng họ bị điên, và ban đầu khoan dung một cách hài hước trước sự thô lỗ của họ, nhưng khi họ tiếp tục và ngày càng xúc phạm hơn, cuối cùng ông ta đã bỏ tù và xử tử họ. Họ tự cho rằng mình là những người tử đạo vĩ đại và vinh quang, nhưng khi nhìn lại sự việc này một cách công bằng, chúng ta chỉ có thể coi họ là những kẻ cuồng tín vô lễ đã xâm phạm nơi mình không được chào đón và bị đàn áp hoàn toàn chính đáng. Cá nhân tôi, tôi không có chút cảm thông nào cho loại tử đạo này.

There was one of these so-called persecutions of the Christians under Diocletian, and the story rs that S. George, who stood high in the Roman army, ventured to protest and to

Một trong những cuộc bách hại Cơ đốc giáo được cho là đã xảy ra dưới thời Diocletian, và câu chuyện kể rằng Thánh George, người giữ vị trí cao trong quân đội La Mã, đã dám lên

rebuke the Emperor. It is not a safe thing to rebuke an absolute Emperor, and Diocletian promptly banished him and seems to have felt rather hurt about it. S. George considered apparently that his Faith required him to make a demonstration, so even when banished to Asia Minor he continued to adopt an aggressive attitude; he finally got himself into some open trouble and was put to death in Nicomedia. There is some doubt about the historical details, but the year 303 is usually given as the date of his death. An earlier year is preferred by some students, and there seems to have been some confusion between him and an Arian bishop of the same name.

There seems no reason to doubt that St. George was a historical person, but as to the story which represents all that most of us know about him, the tale of his slaying the dragon, there is considerable uncertainty. This at least stands out as a fact, that very near Lydda is the traditional place where the sea-monster who came to attack the maiden Andromeda was slain by Perseus. Many historians have thought that because these two legends were attached to the same place they gradually became confused, and that the Christians took the feat of the Greek hero Perseus and attributed it to S. George.

The idea of a dragon is commonly supposed to be quite mythical, but there are considerations in favour of the occasional appearance of such creatures. We know that in the earlier days of the earth there were great flying reptiles, and it is not impossible that single specimens may have survived into what we may call historical periods. There may be a foundation for some of the numerous dragon stories, but whether in this particular case Perseus or S. George was the slayer I do not pretend to say. At any rate tradition has indissolubly associated S. George and his dragon, and he has now become a kind

tiếng phản đối và khiển trách Hoàng đế. Đó không phải là điều an toàn khi khiển trách một Hoàng đế toàn quyền, và Diocletian đã nhanh chóng trục xuất Ngài và dường như cảm thấy bị tổn thương về điều đó. Thánh George dường như tin rằng đức tin của mình yêu cầu Ngài phải thể hiện sự chống đối, nên ngay cả khi bị lưu đày đến Tiểu Á, Ngài vẫn tiếp tục duy trì thái độ hung hăng; cuối cùng, Ngài đã gây ra một số rắc rối công khai và bị xử tử tại Nicomedia. Có một số nghi vấn về các chi tiết lịch sử, nhưng năm 303 thường được coi là năm Ngài qua đời. Một số học giả thích một năm sớm hơn, và dường như có sự nhầm lẫn giữa Ngài và một giám mục Arian cùng tên.

Không có lý do gì để nghi ngờ rằng Thánh George là một nhân vật có thật trong lịch sử, nhưng đối với câu chuyện nổi tiếng nhất về Ngài, câu chuyện Ngài giết rồng, vẫn còn nhiều sự không chắc chắn. Điều này ít nhất nổi bật như một sự thật: rất gần Lydda là nơi truyền thống mà quái vật biển tấn công nàng Andromeda đã bị Perseus giết. Nhiều nhà sử học đã cho rằng do hai truyền thuyết này gắn liền với cùng một nơi, chúng dần dần bị nhầm lẫn, và rằng những người Cơ đốc giáo đã lấy chiến công của anh hùng Hy Lạp Perseus và gán cho Thánh George.

Ý tưởng về một con rồng thường được cho là hoàn toàn thần thoại, nhưng có những lập luận ủng hộ khả năng xuất hiện của những sinh vật như vậy. Chúng ta biết rằng trong những ngày đầu của trái đất, có những loài bò sát bay khổng lồ, và không phải là không thể có một vài cá thể còn sống sót đến thời kỳ mà chúng ta có thể gọi là thời kỳ lịch sử. Có thể có cơ sở cho một số câu chuyện về rồng, nhưng liệu trong trường hợp này Perseus hay Thánh George là người giết rồng, tôi không dám nói. Dù sao đi nữa, truyền thống đã gắn kết Thánh George và con rồng của Ngài không thể tách rời, và Ngài giờ đây đã trở thành một biểu

of symbol.

He was in earlier days the patron saint of Genoa in Italy; he was not adopted as the patron saint of England until the reign of King Edward III, but since then his cross has been the banner of England, and he has been invoked as our patron saint, though it is difficult to see why he was elevated to that honour. It would have been in some ways more natural if we had adopted the first English Martyr, S. Alban, who was also a great soldier of the Roman army: but S. George has been chosen, and no one thinks of changing that now.

Probably we have all heard some of the strange stories of the appearance of S. George at the head of the English troops in France during the recent war, and have wondered whether any credence can be attached to them. They are quite circumstantial, and the doubt cast upon them seems to have arisen mainly because a story was written before the appearance in which his name was mentioned. Yet there is a great deal of evidence that some interference of some sort did occur there in France at a very critical period of the war, and that some one not of the physical plane did encourage the troops and led them on to victory. The English called him S. George—that would be the first idea that would occur to them; the French called him S. Michael or S. Denis, and in other parts of the field they saw also their great heroine Joan of Arc.

There is evidence for all these apparitions. I personally have no doubt that there were interferences from the inner world, but whether S. George or S. Michael or Joan of Arc had anything to do with them, I do not know. Dead people of both nations would certainly wish to help; great military leaders of the past, still in touch with the earth, may have wished

tượng.

Trong những ngày trước đây, Ngài là thánh bảo hộ của thành phố Genoa ở Ý; Ngài không được chọn làm thánh bảo hộ của nước Anh cho đến thời của Vua Edward III, nhưng kể từ đó, thánh giá của Ngài đã trở thành biểu tượng của nước Anh, và Ngài đã được cầu nguyện như thánh bảo hộ của chúng ta, mặc dù thật khó để thấy tại sao Ngài được tôn lên vinh dự đó. Sẽ tự nhiên hơn trong một số cách nếu chúng ta chọn Thánh Alban, vị tử đạo người Anh đầu tiên, người cũng là một chiến binh vĩ đại của quân đội La Mã: nhưng Thánh George đã được chọn, và không ai nghĩ đến việc thay đổi điều đó bây giờ.

Chắc hẳn tất cả chúng ta đều đã nghe một số câu chuyện kỳ lạ về sự xuất hiện của Thánh George đứng đầu quân đội Anh tại Pháp trong cuộc chiến tranh gần đây, và đã tự hỏi liệu có thể tin tưởng vào những câu chuyện đó hay không. Chúng được kể lại rất chi tiết, và sự nghi ngờ về chúng dường như chủ yếu phát sinh vì một câu chuyện đã được viết ra trước khi sự xuất hiện xảy ra, trong đó tên của Ngài được đề cập. Tuy nhiên, có rất nhiều bằng chứng cho thấy đã có sự can thiệp nào đó xảy ra ở Pháp vào thời điểm rất quan trọng của cuộc chiến, và rằng có ai đó không phải thuộc cõi vật lý đã khích lệ các binh sĩ và dẫn dắt họ đến chiến thắng. Người Anh gọi Ngài là Thánh George—đó sẽ là ý nghĩ đầu tiên xuất hiện với họ; người Pháp gọi Ngài là Thánh Michael hoặc Thánh Denis, và ở các phần khác của chiến trường, họ cũng nhìn thấy nữ anh hùng vĩ đại của họ, Joan of Arc.

Có bằng chứng cho tất cả những sự hiện ra này. Cá nhân tôi không hề nghi ngờ rằng đã có sự can thiệp từ thế giới nội tại, nhưng liệu Thánh George, Thánh Michael hay Joan of Arc có liên quan đến chúng hay không, tôi không biết. Những người đã qua đời của cả hai quốc gia chắc chắn sẽ muốn giúp đỡ; những vị lãnh đạo quân sự vĩ đại trong quá khứ, vẫn còn kết

to interfere, and if they were able to show themselves it is fairly certain that they would be taken for some of the saints. They may even have intentionally taken the forms of such saints in order to recommend themselves to the people, because, owing to the foolish modern attitude towards apparitions of all sorts, people are more liable to be frightened than helped by anything unusual, whereas all the French Catholics would welcome the appearance of a saint and would not be in the least afraid of him. It may well be that the traditional form of some of these saints may have been taken by some who wished to help.

nối với trái đất, có thể đã muốn can thiệp, và nếu họ có thể hiện ra, thì rất có thể họ sẽ được coi là một trong các thánh. Họ thậm chí có thể cố tình xuất hiện dưới hình dạng của các thánh để tự giới thiệu mình với mọi người, bởi vì, do thái độ hiện đại ngu xuẩn đối với các hiện tượng xuất hiện thuộc mọi loại, con người có nhiều khả năng bị hoảng sợ hơn là được giúp đỡ bởi bất kỳ điều gì bất thường, trong khi tất cả các tín đồ Công giáo Pháp sẽ hoan nghênh sự xuất hiện của một vị thánh và sẽ không sợ hãi chút nào. Có thể rằng một số người mong muốn giúp đỡ đã cố tình xuất hiện dưới hình thức truyền thống của một số thánh.

It is desirable that our students should try to understand the real meaning of all such occurrences. We must not be obsessed with the absurd Calvinistic prejudice that there can be no truth whatever in anything that is said about the saints. When we look more deeply into the facts of the case we shall see that all these beautiful old legends have their part to play —that they all have helped the human race, and that there is no reason why because, having advanced a little further in knowledge, we understand more fully what they mean, we should therefore look down upon those who believed them once in a more literal fashion. It will be indeed well for us if we are able to get through these channels as much help as our more ignorant forefathers obtained.

Điều mong muốn là các học viên của chúng ta nên cố gắng hiểu ý nghĩa thực sự của tất cả những sự kiện như vậy. Chúng ta không nên bị ám ảnh bởi thành kiến vô lý của chủ nghĩa Calvin cho rằng không có chút sự thật nào trong những gì được nói về các thánh. Khi chúng ta nhìn sâu hơn vào các sự kiện, chúng ta sẽ thấy rằng tất cả những truyền thuyết cổ đẹp đẽ này đều có vai trò của chúng—rằng tất cả chúng đều đã giúp đỡ nhân loại, và không có lý do gì khi chúng ta tiến xa hơn một chút trong kiến thức, hiểu rõ hơn ý nghĩa của chúng, mà chúng ta lại coi thường những người đã từng tin vào chúng theo nghĩa đen hơn. Sẽ thật tốt cho chúng ta nếu chúng ta có thể nhận được qua những kênh này sự giúp đỡ giống như tổ tiên ít hiểu biết của chúng ta đã từng nhận được.

S. Patrick[1]

Just as S. George is the patron of England, so is the holy S. Patrick the patron saint of Ireland.

[1] The account of S Patrick's life, which follows here in the MS , has already been published in THE THEOSOPHIST, June 1919, under the title " St. Patrick's Day ". It has therefore been omitted from this article.

S. Mark

As is the case with so many of these Bible heroes, we do not know much about S. Mark. We are told that he was the cousin of Barnabas, a character of whom we read a good deal in The Acts of the Apostles, and it is also the tradition that he was a nephew of S. Peter. It seems at any rate certain that his mother, Mary, was a woman of considerable distinction in Jerusalem, and that at her house the early Christians used to hold meetings for quite a long time. S. Mark founded the Church at Alexandria, and that is perhaps one reason why he came forward so prominently and is credited with the writing of a Gospel. It is, as usual, not at all certain that he had anything to do with the Gospel which is attributed to him. These Gospels were written in the city of Alexandria, a good deal later than the date usually assigned to them, and it is very natural that one which is supposed to be the earliest should be attributed to one of the Founders of the Church, who is spoken of as the interpreter of S. Peter. He is reported by tradition to have written his Gospel in Rome from Peter's dictation. That is not likely, but it is believed by the highest critics that S. Mark's is the earliest of the Gospels, with the exception of the alleged Hebrew original of 5. Matthew., about which very little is known, because there are no copies extant. S. Mark's symbol is a lion, and those who have had the privilege of visiting his city, Venice, will remember that the glorious cathedral there is dedicated to him, and in the piazza in front of it is the Lion of S. Mark, set upon a tall column.

Giống như trường hợp của nhiều anh hùng trong Kinh Thánh, chúng ta không biết nhiều về Thánh Mark. Chúng ta được biết rằng Ngài là anh em họ của Barnabas, một nhân vật mà chúng ta đọc nhiều trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ, và cũng theo truyền thống, Ngài là cháu của Thánh Peter. Dường như chắc chắn rằng mẹ Ngài, bà Mary, là một người phụ nữ có danh tiếng đáng kể ở Jerusalem, và tại nhà bà, những tín đồ Cơ đốc giáo thời kỳ đầu thường tổ chức các cuộc họp trong một thời gian khá dài. Thánh Mark đã sáng lập Giáo hội tại Alexandria, và có lẽ đây là một trong những lý do khiến Ngài nổi bật và được công nhận là tác giả của một trong bốn Phúc Âm. Tuy nhiên, như thường lệ, không có gì chắc chắn rằng Ngài thực sự có liên quan đến Phúc Âm được gán cho Ngài. Những Phúc Âm này được viết tại thành phố Alexandria, muộn hơn khá nhiều so với thời điểm thường được cho là của chúng, và thật tự nhiên khi một Phúc Âm được cho là sớm nhất lại được gán cho một trong những người sáng lập Giáo hội, người được nhắc đến như là người phiên dịch của Thánh Peter. Theo truyền thống, Ngài được cho là đã viết Phúc Âm của mình tại Rome từ lời kể của Peter. Điều này có thể không chính xác, nhưng các nhà phê bình cao cấp nhất tin rằng Phúc Âm của Thánh Mark là Phúc Âm sớm nhất, ngoại trừ bản gốc tiếng Hebrew được cho là của Thánh Matthew, mà về nó rất ít được biết đến, vì không có bản sao nào còn tồn tại. Biểu tượng của Thánh Mark là một con sư tử, và những ai đã có cơ hội đến thăm thành phố Venice sẽ nhớ rằng nhà thờ tuyệt vời ở đó được dành riêng cho Ngài, và ở quảng trường phía trước là bức tượng Sư tử của Thánh Mark, được đặt trên một cột trụ cao.

S. Oswald

S. Oswald was born A.D. 604. He was the son of Ethel- frid, ruler of Northumbria in the Saxon Heptarchy. He was driven into exile while still a boy, and took refuge among the Scots for seventeen years, during the reign of his uncle Edwin. After the death of Edwin he gathered together a small band of resolute followers and defeated the Welsh Prince, Cadwallon, in the battle of Heaven's Field, thereby delivering his country from the invader. On the field of battle he set up a huge wooden cross, the first erected in Northumbria. He had learnt Christianity from the monks of Iona, and as soon as he was established upon the throne he sent to Iona for teachers for his people. S. Aidan came in response to the call, and the Christian Faith spread rapidly in the north of England.

Thánh Oswald sinh vào năm 604 sau Công nguyên. Ngài là con trai của Ethelfrid, người cai trị Northumbria trong thời kỳ Saxon Heptarchy. Khi còn là một cậu bé, Ngài đã bị đẩy vào cảnh lưu đày và tìm kiếm nơi trú ẩn trong suốt mười bảy năm tại xứ Scots, trong thời gian triều đại của chú mình là Edwin. Sau khi Edwin qua đời, Oswald tập hợp một nhóm nhỏ những người theo Ngài quyết tâm và đánh bại Hoàng tử xứ Wales, Cadwallon, trong trận chiến Heaven's Field, giải thoát đất nước của Ngài khỏi kẻ xâm lược. Trên chiến trường, Ngài dựng một cây thập giá bằng gỗ lớn, cây thập giá đầu tiên được dựng lên tại Northumbria. Ngài đã học về Cơ đốc giáo từ các tu sĩ ở Iona, và ngay khi lên ngôi, Ngài đã gửi người đến Iona để tìm giáo viên dạy đạo cho người dân của mình. Thánh Aidan đã đến đáp lại lời kêu gọi, và Đức tin Cơ đốc lan rộng nhanh chóng ở phía bắc nước Anh.

Oswald married Kineburga, daughter of the King of Wessex, and was then recognised as Bretwalda, or Overlord of Britain. He reigned as such, with considerable success for seven years, but was at last defeated and killed by an insurrection of the non-Christian elements, headed by Penda, King of Mercia. Baring Gould writes of S. Oswald :

Oswald kết hôn với Kineburga, con gái của Vua Wessex, và sau đó được công nhận là Bretwalda, tức là Thượng Vương của Anh. Ngài trị vì với nhiều thành công trong bảy năm, nhưng cuối cùng bị đánh bại và giết bởi một cuộc nổi dậy của những phần tử không theo Cơ đốc giáo, đứng đầu là Penda, Vua Mercia. Baring Gould viết về Thánh Oswald:

Through the obscurity of that thankless and confused age the eye rests gratefully on this young prince, reared in exile among the hereditary enemies of his race, who was consoled for the loss of a throne by his conversion to Christianity, who regained the kingdom of his fathers at the point of the sword, and planted the first cross on his native soil at the moment when he freed it from the usurper. Crowned by the love and devotion of the people on whom he bestowed the blessings of peace and truth, spending his very life for its sake; united for a few short

"Giữa sự mờ mịt của thời kỳ hỗn loạn và không được ghi nhớ, ánh mắt nghỉ ngơi một cách biết ơn trên vị hoàng tử trẻ tuổi này, người được nuôi dạy trong cảnh lưu đày giữa những kẻ thù truyền kiếp của dân tộc mình, nhưng đã được an ủi nhờ sự cải đạo sang Cơ đốc giáo sau khi mất đi ngai vàng, người đã giành lại vương quốc của cha ông bằng gươm, và đã dựng cây thập giá đầu tiên trên đất mẹ khi Ngài giải thoát nó khỏi kẻ tiếm quyền. Được đội vương miện bởi tình yêu và lòng tận tụy của người dân mà Ngài đã mang lại phước lành của hòa bình và chân lý, Ngài đã dâng hiến cả mạng

years to a wife whom, in marrying, he had made a Christian: gentle and strong, serious and sincere, pious and intelligent, humble and bold, active and gracious, a soldier and a missionary, a king and a martyr, slain in the flower of his age on the field of battle, fighting for his country and praying for his subjects—where shall we find in all history a hero more nearly approaching the ideal, more richly gifted, more worthy of eternal remembrance, yet more completely forgotten ?

sống của mình vì lợi ích của họ; Ngài đã kết hôn với một người vợ mà khi cưới, Ngài đã biến nàng thành Cơ đốc nhân: hiền lành và mạnh mẽ, nghiêm túc và chân thành, sùng đạo và thông minh, khiêm tốn và táo bạo, năng động và ân cần, một người lính và một nhà truyền giáo, một vị vua và một người tử đạo, Ngài đã bị giết ở độ tuổi rực rỡ nhất của cuộc đời trên chiến trường, chiến đấu vì đất nước và cầu nguyện cho thần dân của mình—trong suốt lịch sử, ta có thể tìm thấy ở đâu một vị anh hùng gần đạt đến lý tưởng hơn, được ban tặng nhiều tài năng hơn, xứng đáng được nhớ mãi hơn, nhưng lại bị lãng quên một cách trọn vẹn như vậy?"

S. Anselm

Anselm was born of noble parentage, in 1033, in the vicinity of Aosta, in Piedmont. From early boyhood he was drawn to the monastic life: then for a time it seemed less attractive, but at the age of twenty-three his first instinct reasserted itself, and he joined the great monastery of Bee in Normandy, then the most famous school in Europe. He was at first a student under Lanfranc, and four years later he became a monk. Lanfranc was appointed as Archbishop of Canterbury, and Anselm succeeded him as Prior of Bee, and in 1078 was chosen as Abbot of that great monastery. During this period most of his literary work was done.

Anselm sinh ra trong một gia đình quý tộc vào năm 1033, gần Aosta, thuộc vùng Piedmont. Từ khi còn rất nhỏ, Ngài đã bị thu hút bởi đời sống tu viện; tuy nhiên, có một thời gian, điều đó dường như ít hấp dẫn hơn, nhưng đến năm hai mươi ba tuổi, bản năng đầu tiên của Ngài đã trở lại mạnh mẽ, và Ngài gia nhập tu viện lớn Bee ở Normandy, nơi nổi tiếng nhất châu Âu lúc bấy giờ. Ban đầu, Ngài là học trò của Lanfranc, và bốn năm sau, Ngài trở thành một tu sĩ. Lanfranc sau đó được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Canterbury, và Anselm kế vị ông làm bề trên của tu viện Bee, và vào năm 1078, Ngài được chọn làm viện trưởng của tu viện lớn đó. Trong thời gian này, hầu hết các tác phẩm văn học của Ngài đã được hoàn thành.

On the death of Lanfranc, in 1089, William Rufus sequestrated the funds of the Archbishopric, and kept the See unoccupied for four years: but falling ill, in 1093, and imagining himself at the point of death, he hurriedly forced Anselm into the position of Archbishop, which he was very unwilling to accept, foreseeing the trouble which would arise when Rufus recovered. His anticipations

Sau cái chết của Lanfranc vào năm 1089, William Rufus đã tịch thu tài sản của Tổng giám mục và giữ chiếc ghế không có người ngồi suốt bốn năm. Nhưng khi lâm bệnh vào năm 1093, và tưởng mình sắp chết, ông vội vã ép Anselm vào vị trí Tổng giám mục, một vị trí mà Ngài rất miễn cưỡng chấp nhận, vì Ngài đã dự đoán trước những rắc rối sẽ xảy ra khi Rufus hồi phục. Những dự đoán của Ngài đã

were realised, for the rest of the King's reign was spent in trying to extort money and privileges from him. He was at last driven into exile, but was recalled when Rufus died and Henry I came to the throne.

Almost immediately the new King demanded a Right of Investiture, which Anselm could not conscientiously grant, so presently he had to go into exile again, and even to threaten the King with excommunication. This alarmed Henry, who was too prudent to allow things to come to such an extremity: so he arranged a meeting with Anselm, and a reconciliation was effected. The final arrangement of the dispute was a compromise by which temporal Investiture was to be the - prerogative of the King, and the Investiture with the emblems of spirituality was reserved to the Pope. This was a great victory for Anselm— an achievement of which no one could mistake the magnitude: and it was accomplished with a remarkable absence of the violent measures which were so freely used in the other sections of this same contest on the Continent of Europe. Anselm died peacefully at Canterbury in the year 1109, and is buried in the great cathedral.

trở thành sự thật, vì suốt phần còn lại của triều đại, nhà vua đã cố gắng ép Anselm phải nộp tiền và nhượng bộ quyền lợi. Cuối cùng, Ngài bị buộc phải lưu vong, nhưng được triệu hồi khi Rufus qua đời và Henry I lên ngôi.

Ngay sau khi lên ngôi, vị vua mới đã yêu cầu quyền bổ nhiệm, một điều mà Anselm không thể chấp nhận một cách có lương tâm, và do đó, Ngài lại phải đi lưu vong, thậm chí còn đe dọa nhà vua bằng việc rút phép thông công. Điều này đã làm Henry lo lắng, vì ông quá thận trọng để cho phép mọi chuyện trở nên tồi tệ đến mức đó, vì vậy ông đã sắp xếp một cuộc gặp với Anselm và tiến hành hòa giải. Kết quả cuối cùng của tranh chấp này là một sự thỏa hiệp, trong đó quyền bổ nhiệm về mặt thế tục được trao cho nhà vua, còn việc bổ nhiệm với các biểu tượng tinh thần được dành cho Giáo hoàng. Đây là một chiến thắng lớn cho Anselm —một thành tựu mà không ai có thể nhầm lẫn về tầm quan trọng của nó: và điều đó đã được thực hiện mà không có sự bạo lực, vốn thường được sử dụng rộng rãi trong các phần khác của cuộc tranh chấp tương tự này tại lục địa châu Âu. Anselm qua đời trong bình yên tại Canterbury vào năm 1109, và Ngài được an táng trong nhà thờ lớn.

S. Charles Borromeo

Carlo Borromeo was the son of the Count of Arona and was born at his castle on the Lago Maggiore in 1538. When still a child he devoted himself to the Church, and in accordance with the venial custom of the time an abbey was given to him at a very early age. On his twelfth birthday he assumed complete control over the revenues of his benefice, but instead of using them for boyish pleasures, as was ex-pected, he devoted the whole to relieving the necessities of the poor. He studied cannon law at Milan and Pavia, and obtained his degree of Doctor at the age of

Carlo Borromeo là con trai của Bá tước Arona và được sinh ra tại lâu đài của ông trên hồ Lago Maggiore vào năm 1538. Khi còn là một đứa trẻ, Ngài đã dâng mình cho Giáo hội, và theo phong tục lúc bấy giờ, Ngài được trao tặng một tu viện khi còn rất nhỏ. Vào sinh nhật lần thứ mười hai, Ngài đã nắm quyền kiểm soát hoàn toàn các nguồn thu nhập từ chức vị được phong tặng của mình, nhưng thay vì sử dụng chúng cho những thú vui trẻ con như người ta mong đợi, Ngài đã dành toàn bộ số tiền đó để cứu trợ những người nghèo khó. Ngài học luật giáo hội tại Milan và Pavia, và nhận được học

twenty-one. The same year his uncle was made Pope, and immediately conferred all kinds of incredible dignities on Charles. He invested the young man, who was not yet even in deacon's orders, with the office of protonotary, and made him not only a Cardinal, but also Archbishop of Milan, the most important See in Northern Italy.

vị Tiến sĩ vào năm hai mươi mốt tuổi. Cùng năm đó, chú của Ngài được phong làm Giáo hoàng và ngay lập tức ban cho Charles rất nhiều danh vị đáng kinh ngạc. Ngài phong cho người thanh niên, khi đó còn chưa nhận chức phó tế, chức protonotary (chưởng ấn) và không chỉ phong làm Hồng y mà còn trao chức Tổng giám mục Milan, một trong những giáo khu quan trọng nhất ở miền Bắc nước Ý.

Charles, instead of being spoiled by all this illegal advancement, resolved to undertake the duties thus thrust upon him. His diocese was in the greatest disorder, as it had been in the hands of absentees for seventy-three years. He at once sent a vicar-general to introduce reforms, and himself took Orders at the earliest possible moment, and set himself earnestly to qualify for his life's work.

Thay vì bị hư hỏng bởi những sự thăng tiến bất hợp pháp này, Charles quyết tâm gánh vác những trách nhiệm được trao cho mình. Giáo phận của Ngài đang rơi vào tình trạng hỗn loạn nghiêm trọng, vì đã bị những người vắng mặt nắm giữ trong suốt bảy mươi ba năm. Ngài ngay lập tức cử một tổng đại diện đến để thực hiện cải cách và tự mình nhận chức vào thời điểm sớm nhất có thể, với quyết tâm nghiêm túc để chuẩn bị cho công việc cả đời của mình.

We read that he especially laboured to acquire the practice of mental prayer, and used it with the greatest regularity—evidently a kind of meditation. He set to work to reform the services and decorations of the churches, and built seminaries and colleges for the education of those intended for Holy Orders. He made a clean sweep of a large number of dissolute and licentious priests, and attacked the scandalous immoralities of the great religious Orders, which consequently opposed him bitterly, and even attempted to assassinate him. However, he resolutely carried out his plans, being strongly supported by the Pope.

Chúng ta đọc rằng Ngài đặc biệt nỗ lực để rèn luyện việc cầu nguyện trong tư tưởng, và thực hành điều đó một cách rất đều đặn—rõ ràng là một dạng thiền định. Ngài bắt tay vào cải cách các nghi thức và trang trí của nhà thờ, xây dựng các chủng viện và trường học để giáo dục những người dự định trở thành giáo sĩ. Ngài đã thanh lọc một số lượng lớn các linh mục đồi bại và sa đọa, và đấu tranh chống lại những hành vi phi luân lý của các dòng tu lớn, điều này khiến họ phản đối kịch liệt và thậm chí còn cố ám sát Ngài. Tuy nhiên, Ngài kiên quyết thực hiện kế hoạch của mình, và được Giáo hoàng ủng hộ mạnh mẽ.

During the outbreak of the plague at Milan, in 1576. he personally helped the sick, buried the dead, distributed money, and avoided no danger for the sake of the suffering. His example, his enthusiasm, his entire unselfishness communicated courage to his clergy, and they nobly stood by their chief pastor. He despatched to the hospitals

Trong đợt bùng phát dịch bệnh tại Milan vào năm 1576, Ngài đích thân giúp đỡ những người bệnh, chôn cất người chết, phân phát tiền bạc và không né tránh bất kỳ nguy hiểm nào vì người đau khổ. Tấm gương, lòng nhiệt huyết và sự vô ngã của Ngài đã truyền cảm hứng và khích lệ lòng can đảm cho hàng giáo sĩ của Ngài, và họ đã trung thành sát cánh bên

furniture from his own palace, and waggon-loads of provisions, and he sent all his plate to the mint to be converted into coin.

vị giám mục trưởng của mình. Ngài gửi đồ đạc từ chính cung điện của mình đến các bệnh viện, gửi những xe lương thực, và đưa toàn bộ chén bát bạc của mình đến nhà máy đúc tiền để chuyển đổi thành tiền mặt.

Unfortunately he also plunged into the most unwise asceticism, and undoubtedly shortened his life by neglect of reasonable precautions. He died in 1584, at the age of forty-six, and his body is still preserved in a crystal shrine in his cathedral.

Thật không may, Ngài cũng rơi vào tình trạng khổ hạnh không khôn ngoan, và không nghi ngờ gì đã rút ngắn cuộc đời mình do bỏ qua những biện pháp phòng ngừa hợp lý. Ngài qua đời vào năm 1584, ở tuổi bốn mươi sáu, và thi thể của Ngài vẫn được bảo quản trong một ngôi mộ pha lê tại nhà thờ chính tòa của Ngài.

C. W. Leadbeater